



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN SINH

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
1.	Nguyễn Quang Đạt	Nam	26/6/1994	CKT12401	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	68,4	Đạt	
2.	Phạm Xuân Đạt	Nam	4/3/2000	CKT12402	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	77,6	Đạt	
3.	Nguyễn Trần Hiếu	Nam	10/4/1982	CKT12403	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	72,6	Đạt	
4.	Nguyễn Thành Lam	Nam	11/11/2000	CKT12404	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	71,4	Đạt	
5.	Nguyễn Mỹ Linh	Nữ	31/12/2000	CKT12405	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	75,0	Đạt	
6.	Nguyễn Trọng Thức	Nam	21/5/1998	CKT12406	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	75,4	Đạt	
7.	Đặng Quốc Tuấn	Nam	23/10/2000	CKT12407	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	69,2	Đạt	
8.	Lê Đình Tùng	Nam	6/2/1992	CKT12408	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	66,0	Đạt	
9.	Bùi Thế Vinh	Nam	12/5/1998	CKT12409	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	74,2	Đạt	
10.	Nguyễn Tiến Quốc Anh	Nam	26/12/1999	CQH12401	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	74,4	Đạt	
11.	Lê Thị Huệ	Nữ	5/6/1990	CQH12402	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	70,6	Đạt	
12.	Đoàn Minh Thắng	Nam	5/11/1999	CQH12403	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	69,6	Đạt	
13.	Nguyễn Văn Thu	Nam	28/5/1987	CQH12404	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	78,8	Đạt	



	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
14.	Nguyễn Tuấn Tú	Nam	24/5/1999	CQH12405	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	72,4	Đạt	
15.	Lê Thái Anh	Nam	14/12/2000	CQL12401	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	77,2	Đạt	
16.	Lê Hoàng Đức Anh	Nam	16/2/1993	CQL12402	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	76,6	Đạt	
17.	Lê Chí Công	Nam	19/10/1987	CQL12403	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	72,4	Đạt	
18.	Lê Thành Đạt	Nam	27/11/1996	CQL12404	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	73,0	Đạt	
19.	Vũ Minh Đức	Nam	28/10/2000	CQL12405	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	74,8	Đạt	
20.	Nguyễn Trí Dũng	Nam	17/9/2000	CQL12406	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	77,4	Đạt	
21.	Nguyễn Đăng Dương	Nam	2/11/2000	CQL12407	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,6	Đạt	
22.	Tạ Hoàng Duy	Nam	11/5/2001	CQL12408	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	77,0	Đạt	
23.	Đinh Việt Hải	Nam	28/11/2000	CQL12409	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,2	Đạt	
24.	Lê Thu Hiền	Nữ	18/8/1998	CQL12410	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,0	Đạt	
25.	Đỗ Trọng Hiệp	Nam	25/11/1987	CQL12411	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,6	Đạt	
26.	Phạm Thị Quỳnh Hoa	Nữ	14/4/2000	CQL12412	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	76,0	Đạt	
27.	Khiếu Thị Thu Hoài	Nữ	5/9/1998	CQL12413	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	77,0	Đạt	
28.	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	12/12/2000	CQL12414	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	77,8	Đạt	
29.	Lê Thanh Hương	Nữ	16/7/1988	CQL12415	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	79,0	Đạt	
30.	Nguyễn Lan Hương	Nữ	18/6/1999	CQL12416	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,2	Đạt	
31.	Đỗ Linh Khánh	Nữ	11/11/1999	CQL12417	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	68,8	Đạt	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
32.	Nguyễn Ngọc Khánh	Nam	14/1/2000	CQL12418	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	77,2	Đạt	
33.	Nguyễn Văn Khánh	Nữ	18/2/2001	CQL12419	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,0	Đạt	
34.	Nguyễn Đại Kiên	Nam	13/8/2000	CQL12420	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	69,0	Đạt	
35.	Nguyễn Thị Hà Lê	Nữ	7/1/1988	CQL12421	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,4	Đạt	
36.	Lê Hoàng Mỹ	Nam	22/8/1990	CQL12422	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	76,8	Đạt	
37.	Nguyễn Văn Phú	Nam	13/10/1998	CQL12423	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	71,6	Đạt	
38.	Nguyễn Văn Phú	Nam	18/12/2000	CQL12424	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	74,6	Đạt	
39.	Nguyễn Thị Lâm Phương	Nữ	6/9/2001	CQL12425	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	80,4	Đạt	
40.	Nguyễn Lan Phượng	Nữ	16/1/1999	CQL12426	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	77,0	Đạt	
41.	Nguyễn Văn Thường	Nam	24/9/1988	CQL12427	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,0	Đạt	
42.	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	24/10/1998	CQL12428	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,8	Đạt	
43.	Bùi Đức Tiến	Nam	31/1/1999	CQL12429	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	74,0	Đạt	
44.	Hoàng Ngọc Tín	Nam	15/1/1994	CQL12430	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	76,2	Đạt	
45.	Vũ Đức Toàn	Nam	18/12/1996	CQL12431	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,0	Đạt	
46.	Dương Minh Tuấn	Nam	12/9/1995	CQL12432	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	73,6	Đạt	
47.	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	30/11/1999	CQL12433	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	73,0	Đạt	
48.	Nguyễn Duy Tùng	Nam	17/7/2000	CQL12434	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	73,6	Đạt	
49.	Lê Thế Vinh	Nam	11/4/1997	CQL12435	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	69,0	Đạt	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
50.	Ninh Tiên Dũng	Nam	1/4/1994	CXD12401	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật xây dựng	0,0	Không Đạt	
51.	Hoàng Khánh Duy	Nam	9/8/1997	CXD12402	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật xây dựng	74,8	Đạt	
52.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	9/5/1984	CXD12403	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật xây dựng	84,2	Đạt	
53.	Hoàng Trọng Ngọc	Nam	7/8/1993	CXD12404	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật xây dựng	76,0	Đạt	
54.	Bùi Quang Tuấn	Nam	11/11/1999	CXD12405	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật xây dựng	75,0	Đạt	

Tổng số 54 người.

Hà Nội, ngày 3 tháng 6 năm 2024
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS.KTS: Lê Quân